

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẠNG HIỂN TÔNG

QUYỂN 30

Phẩm 7: NÓI VỀ HIỂN THÁNH (PHẦN 2)

Như thế đã nói về hai môn nhập và tu. Do hai môn này, nên tâm được định. Tâm được định rồi, lại tu môn nào?

Tụng rằng:

*Nương vào “chỉ” đã tu
Vì quán tu niệm trụ
Dùng tự tướng, cộng tướng
Quán thân, thọ tâm, pháp.
Tự tánh tuệ như Văn...
Sở duyên xen lẫn khác
Nói thứ lớp tùy sinh
Trị diên đảo chỉ bốn.*

Luận chép: Đã tu thành chỉ, dùng làm chỗ dựa. Vì quán nhanh chóng thành tu bốn niệm trụ, chẳng phải người không được định, có thể thấy như thật.

Tu tập bốn niệm trụ như thế nào?

Dùng tướng tự tướng, cộng để quán thân, thọ, tâm, pháp, nghĩa là người tu quán chuyên tâm một hướng, dùng tướng tự tướng cộng đối với các cảnh như thân, v.v..., mỗi pháp quán riêng, tu bốn niệm trụ, phân biệt pháp này và pháp khác có nghĩa sai khác, gọi là quán tự tướng. Phân biệt pháp này và pháp khác, không có nghĩa sai khác, gọi là quán tướng cộng. Vả lại, thân niệm trụ quán tướng tự, nghĩa là quán sát thân tướng riêng các xứ.

Quán tướng cộng, nghĩa là quán các xứ đồng là tướng thân, hoặc tướng sắc đồng. Hoặc quán tự tướng, nghĩa là quán tướng riêng của thân. Quán tướng cộng, nghĩa là quán sát thân và hữu vi khác, đều không phải thường, v.v... Niệm trụ như thọ, v.v..., so sánh với đây nên

biết.

Bốn thứ này đều có ba, nghĩa là tự tánh đẳng tự tánh. Nghĩa là tuệ chỉ có ba như văn, v.v...

Xen lẫn nhau, nghĩa là pháp khác, pháp câu hữu này. Đối tượng duyên, nghĩa là cảnh nơi đối tượng duyên của ba tuệ ấy.

Vì sao ba tuệ ấy đều gọi là niệm trụ? Do niệm khiến tuệ được trụ vào cảnh đối tượng duyên, niệm và tuệ giúp nhau, vì định, v.v... vượt hơn. Do niệm này đối với tuệ đặt tên niệm trụ, vì đối tượng duyên xen lẫn nhau này cũng gọi là niệm trụ.

Vì sao gọi là ba thứ niệm trụ?

Vì hữu tình ngu ba thứ: Hành tướng, tư lương và đối tượng duyên, nên nói ba thứ. Hoặc phần vị thắng giải của căn, đều có ba cơ nghi khác nhau, nên nói ba thứ. Sự xen lẫn trong ba có khả năng dứt phiền não, không phải hai thứ mà có thể dứt vì thêm bớt thái quá, nhưng nói xen lẫn nhau cũng gồm nhiếp thể của tuệ, vì tuệ hỗ tương xen lẫn với cùng có. Nếu nói tự tánh nên không có đối tượng đối đãi, rõ ràng có đối tượng tiếp đãi, mới nói là xen lẫn nhau, chỉ có tu thành tựu thuộc về pháp niệm trụ mới có thể dứt phiền não phải đối với định, vì khả năng dứt hoặc, nên duyên bốn, năm uẩn. Hoặc duyên Niết-bàn, vì có thể dứt hoặc. Tác ý tướng cộng trong pháp niệm trụ, có thể dứt phiền não, tác ý tự tướng vì duyên theo cảnh phần ít, nên không có công năng này.

Ba thứ trước trong bốn niệm trụ, chỉ là không duyên xen lẫn. Thứ tư có cả hai. Nhưng trí ba để chỉ có duyên xen lẫn có thể dứt phiền não, chỉ trí diệt đế, dù không duyên xen lẫn cũng dứt phiền não.

Các niệm trụ như thân, v.v... đều có ba thứ, vì duyên trong, ngoài đều có sai khác. Và lại, trong thân niệm trụ có ba thứ:

1. Duyên tự nối tiếp nhau, gọi là trong.
2. Duyên thân người khác, gọi là ngoài.
3. Duyên cả hai thứ, gọi là trong, ngoài.

Vì người có ngã ái, mà mạn, thông thả, nên quán thân trong cũng như ngoài, hoặc trong như duyên trước không có chấp thọ, gọi là ngoài, duyên sự nối tiếp nhau của người khác, gọi là trong, ngoài, đối đãi không có chấp thọ và đối đãi thân mình, được cả hai tên. Hoặc duyên căn, cảnh và đều có tên là ba, hoặc duyên hữu tình và số phi hữu tình, duyên chung hai thứ sai khác là ba. Hoặc duyên số phi tình ngoài hữu tình và lông, tóc, v.v... sai khác là ba, vì phi tình, đó đều từ trong thân sinh, vì lìa căn trụ, nên được đủ hai tên. Hoặc duyên hữu tình hiện tại, gọi là trong. Duyên ba đời phi tình bên ngoài, gọi là ngoài, duyên tình

quá khứ, vị lai, gọi là trong, ngoài, vì loài hữu tình, nên rơi vào số pháp. Lại, vị lai kia sẽ rơi vào số tình, chánh rơi vào số pháp. Thời gian quá khứ kia từng rơi vào số tình, chánh rơi vào số pháp, pháp bất sinh kia, vì là loại sinh, nên ba thứ thọ, mỗi thứ đều có ba, tùy theo đối tượng thích ứng của ba thứ đó, y theo trước, nên giải thích.

Bốn niệm trụ này, nói là thứ lớp sinh theo. Sinh vì sao lại theo thứ lớp như thế?

Sinh theo thứ lớp như thế, vì thuận theo nhau.

Hữu tình phần nhiều đối với các sắc, vì ưa thọ dụng, nên không lập ra pháp vượt hơn.

Ưa thọ dụng sắc lấy gì làm duyên?

Nghĩa là ưa thích sâu xa tình đối với thọ, ưa thích các thọ, do tâm không điều phục. Sự không điều phục của tâm do các phiền não, tâm do tín, v.v... có thể khiến cho điều phục. Thuận theo quán bốn niệm trụ của lý này sinh, hoặc thuận theo đối tượng duyên, vì sinh thô, tế, nhưng không phải do Niết-bàn trong pháp quán sau cuối của tâm này, vì rất nhỏ nhiệm, nên khi noi theo thì quán thọ tướng, tư, v.v... kia.

Y theo nghĩa có thể biết rõ tướng thô, tế đồng dựa vào tâm khởi, v.v..., là an nguy.

Có sư khác nói: Sắc có thể tụ tán, có thể lấy, có thể xả. Tướng tự nối tiếp nhau bất tịnh, khổ, v.v..., vì dễ biết rõ, nên thường vì duyên thân sinh tham, v.v..., nên nam, nữ lần lượt khởi xứ tham. Quán bất tịnh, gìn giữ niệm hơi thở và phân biệt cõi, ba, pháp môn nhập tu này tất cả phần nhiều duyên ở thân làm cảnh, vị tu niệm trụ, nên là quán đầu. Quán này làm nhân sinh ra xúc khinh an. Do xúc khinh an dẫn đến lạc thọ sinh. Kinh nói: Thân an, ấy là vì thọ vui.

Lạc thọ như thế, dựa vào tâm mà sinh, với tâm tịnh làm nhân, được quả giải thoát. Do thọ, v.v... này vì theo thứ lớp mà quán, nên niệm trụ sinh thứ lớp như thế.

Bốn niệm trụ này không thêm, không bớt, vì chủ thể trị bốn điên đảo về tịnh, v.v..., nên quán thân bất tịnh, trị bất tịnh: là điên đảo về tịnh. Dù điên đảo tịnh duyên cả năm uẩn, nhưng chỉ quán tự tánh thân, không phải tịnh, ấy là công năng chế phục chung, như người đã quán, thể của phân bất tịnh là cũng không ưa thích từ đồng phân sinh ra.

Như thế, đã quán thể của thân bất tịnh, cũng không ưa thích sinh ra từ thân.

Do quán thân này là bất tịnh, tức đều không ưa thích đối với năm thủ uẩn, vì người mê tưởng tịnh của thân hữu vi, họ mới ưa thích dựa

vào thân sinh ra.

Cho nên, quán thân là bất tịnh, nghĩa là đối với chỗ thân khởi, quán cũng không ưa thích, như khi có an trụ quán bất tịnh, dù không quán gần tiếng, v.v... làm cảnh, mà vẫn từ xả ca hát, v.v... như phần nọ.

Như thế, khi an trụ thân niệm trụ, dù không quán gần thọ, v.v... làm cảnh, vì quán tự thể của thân là bất tịnh, nên sau cùng, không ưa ba cảnh như lạc thọ, v.v... Lại, dù không quán cảnh sắc, Vô sắc, cho là bất tịnh, nhưng đối với cảnh ấy chẳng phải không dẫn sinh hành tướng không ưa. Cho nên, điên đảo tịnh dù duyên năm uẩn, nhưng thân niệm trụ thành, ấy là chế phục chung. Ba niệm trụ sau, dù đều quán khác nhau, nhưng so sánh với đây, nên tư duy về lý năng khuất phục chung. Quán thọ là khổ, là chủ thể trị khổ, nghĩa là vui điên đảo: Nếu có pháp chân thật đáng ưa muốn, đây là nghĩa vui. Đối với hành xen lẫn của nhiều lỗi, thấy có công đức cao quý đáng ưa thích, đây là điên đảo đối với khổ cho là vui, điên đảo này dùng đam mê thọ làm trước, do tham đắm sâu đối với thọ rồi, mới đối với chỗ dựa của tất cả bức não, trong hành hữu lậu, vọng sinh tướng vui. Cho nên, khi quán thọ là tánh khổ, ấy là chế phục chung chấp vui điên đảo. Quán tâm chẳng phải thường, chủ thể trị không phải thường, nghĩa là điên đảo về thường, hành giả quán, vì chán ghét thọ, nên đối với tâm nương dựa thấy có rất nhiều phẩm loại sai khác, dẫn sinh quán không phải thường, khiến hiện ở trước bèn đối với hữu vi, bất sinh tướng thường, nên có thể chế phục chung chấp điên đảo thường.

Quán pháp chẳng phải ngã, năng trị phi ngã, nghĩa là điên đảo về ngã: Có một loại, nghe ngã phi thường, tâm bất sinh hỷ, liền nghĩ rằng: Chủ thể nào khiến cho tâm này có nhiều sai khác, ấy tức là ngã?

Vì ngăn dứt chấp kia, lại nên quán đế, trừ ba pháp còn lại, cũng chỉ là quán pháp, ấy là đối với tất cả không khởi tướng ngã, nên có thể chế phục chung, chấp điên đảo về ngã. Hoặc vì đối trị xúc, dứt, thức tư thực. Như thứ lớp, lập ra bốn niệm trụ như Thân, v.v..., số lượng chỉ có bốn không thêm, không bớt.

Như thế, tu thành thực quán bất tịnh, gìn giữ niệm hơi thở, hai gia hạnh rồi, có thể thứ lớp dẫn đối tượng duyên: Thân, thọ, tâm, pháp không xen lẫn, niệm trụ hiện tiền. Lại nữa, đối với không xen lẫn duyên với pháp niệm trụ, Vô gián dẫn đối tượng duyên: pháp niệm trụ xen lẫn sinh, kế là nên tu duyên chung pháp niệm trụ của tướng cộng.

Tướng của pháp niệm trụ này như thế nào?

Tụng rằng:

*Pháp niệm trụ ở kia
Quán chung bốn sở duyên
Tu hành tướng vô thường
khổ không và vô ngã.*

Luận chép: Pháp niệm trụ của duyên xen lẫn, gồm có bốn thứ: Hai, ba, bốn, năm uẩn làm cảnh khác nhau, nên chỉ duyên chung năm, gọi đây là đối tượng tu.

Hành giả kia tu bốn hành tướng đối với đây, quán chung tất cả thân, thọ, tâm pháp, cái gọi là không phải thường, khổ, không, vô ngã. Tuy nhiên, khi tu tập niệm trụ này, đã có căn thiện khác, có công năng làm gia hạnh. Hành giả kia nên theo thứ lớp tu sao cho hiện tiền, nghĩa là hành giả kia đã tu thành thực pháp niệm trụ của duyên xen lẫn. Khi sắp muốn tu tập niệm trụ này, trước, phải duyên chung tu hạnh vô ngã, kế là quán sinh diệt, tiếp theo là quán duyên khởi. Do hành giả tu quán, trước quán các hành từ nhân sinh diệt, bèn đối với môn quán nhân quả lệ thuộc nhau, dễ dàng hưởng nhập. Hoặc có người muốn cho trước quán duyên khởi, sau đó dẫn khởi duyên quán ba nghĩa, quán này Vô gián tu bảy xứ thiện. Vì được khéo léo đối với bảy xứ thiện, nên có khả năng đối với các cảnh đã thấy từ trước đến nay, lập để nhân quả, quán sát thứ lớp.

Như thế, tu thành thực trí và định rồi, ấy là có thể an lập thuận với để hiện quán, nghĩa là khổ của cõi trên cõi Dục đều khác, thì đối với tám thứ để như thế, theo thứ lớp quán, tu chưa từng tu mười sáu hành tướng.

Hành giả kia do văn tuệ, đối với tám đế, đầu tiên khởi mười sáu quán hạnh như thế, như cách tấm lụa mỏng, nhìn thấy các sắc. Như thế, được gọi là văn tuệ viên mãn.

Tuệ do tư thành, chuẩn y văn tuệ này, nên nói. Tiếp theo là đối với sự sinh tử, sinh nhằm chán sâu xa về tai hại, ưa thích công đức vắng lặng của Niết-bàn.

Từ đây về sau, phần nhiều dẫn quán nhằm chán hiện tiền, dùng phương tiện siêng tu tăng tiến dần, vượt hơn dần, dẫn khởi như thế, có thể thuận với quyết trạch, do tư duy mà thành, gồm nhiếp căn thiện trọn nhất, tức đã tu pháp niệm trụ tướng cộng.

Từ Vô gián này sinh ra căn thiện nào?

Tụng rằng:

Từ đây sinh pháp Noãn

*Quán đủ bốn Thánh đế
 Tu mười sáu hành tướng
 Kế sinh Đảnh cũng vậy.
 Hai căn thiện như thế
 Điều pháp đầu, bốn sau
 Kế Nhãn, chỉ pháp niệm
 Phẩm hạ trung, đồng Đảnh.
 Trên chỉ quán khổ Dục
 Một hành, một sát-na
 Thế đệ nhất cũng vậy
 Điều tuệ năm, trừ đắc.*

Luận chép: Từ thuận quyết trạch, do tư duy vượt hơn mà thành, duyên chung pháp niệm trụ của tướng cộng, về sau, có thuận quyết trạch do tu mà thành, căn thiện đầu tiên khởi, gọi là pháp Noãn, là duyên chung sự sai khác của pháp niệm trụ tướng cộng.

Cái đã khởi như thế là sẽ được tu, có công năng đốt củi phiền não, là tướng trước của lửa Thánh đạo, như dùi lửa, hơi ấm bắt đầu sinh, vì pháp đồng với Noãn, nên gọi là pháp Noãn. Vì phần vị khởi của căn thiện này dài, nên có công năng quán sát đủ cảnh bốn Thánh đế. Do đó, tu đủ mười sáu hành tướng:

Quán Thánh đế khổ, tu bốn hành tướng:

1. Vô thường.
2. Khổ.
3. Không.
4. Vô ngã.

Quán Thánh đế tập, tu bốn hành tướng:

1. Nhân.
2. Tập.
3. Sinh.
4. Duyên.

Quán Thánh đế diệt, tu bốn hành tướng:

1. Diệt.
2. Tĩnh.
3. Diệu.
4. Ly.

Quán Thánh đế đạo, tu bốn hành tướng:

1. Đạo.
2. Như.

3. Hành.

4. Xuất.

(Sự sai khác của tướng này, về sau sẽ nói).

Nhưng các pháp Noãn dù duyên bốn đế, mà theo phần nhiều, nói hạnh nhàm chán đều có, vì khi khởi hạnh kia, tướng uẩn nhiều, nên hành giả tu tập căn thiện này, phẩm hạ, trung, thượng tăng tiến dần dần.

Đối với khổ, tập, diệt, đạo mà Đức Phật đã nói, sinh tín thuận theo quán sát các hữu thường bị ngọn lửa dữ dội thiêu đốt. Tín đứng đầu trong Tam bảo, có do tu thành, thuận phần quyết trạch.

Căn thiện kế là khởi, gọi là pháp Đảnh, là duyên chung sự sai khác của pháp niệm trụ của tướng cộng. Tiếng đảnh, biểu thị rõ đảnh này là chỗ hơn hết, như sự tốt đẹp đến thời gian thành tựu rồi, thế gian nói là người này đã đạt đến đỉnh, nghĩa là cõi Sắc gồm nhiếp trong bốn căn thiện: Hai có thể lay động, và hai không thể lay động.

Trong hai căn thiện có thể lay động, phẩm hạ gọi là Noãn, phẩm thượng gọi là Đảnh, vì là trên cùng trong lay động. Trong hai căn thiện không lay động: Phẩm hạ: Gọi là nhẫn. Đối với cảnh bốn đế, vì rất kham nhẫn, phẩm thượng: Gọi là Pháp Thế đệ nhất, vì vượt hơn trong thế gian, nên cũng như đề hồ. Người “nhàn cư” nói: Tu phẩm thiện này, tướng ấy đến đỉnh, nên gọi là pháp Đảnh. Hành tướng của cảnh này đồng với pháp Noãn, nghĩa là quán cảnh bốn đế, tu mười sáu hành tướng.

Hai thứ căn thiện là Noãn, Đảnh như thế, vào lúc đặt chân đầu tiên, chỉ có pháp niệm trụ, về sau, bốn vị tăng tiến đều hiện tiền. Nói: đầu tiên đặt chân là biểu thị rõ do hành tướng đầu tiên, bước theo dấu chân bốn Thánh đế. Nói: về sau tăng tiến, là nói rõ về phẩm hạ, trung, thượng từ đây về sau, thường tu tập theo thứ lớp. Các pháp đã được, về sau không hiện ở trước. Vì đối pháp ấy, bất sinh tâm trân trọng, do gia hạnh vượt hơn dẫn sinh căn thiện này, nên trong các pháp đã được, bất sinh tâm trân trọng. Nhưng, pháp Đảnh này dù duyên bốn đế, nhưng vì duyên niềm tin Tam bảo, với phần nhiều hiện hành. Phẩm hạ, trung, thượng của căn thiện Đảnh này, tăng trưởng dần đến khi thành tựu viên mãn. Có thuận với phần quyết trạch, do tu thành, căn thiện vượt hơn khởi gọi là pháp nhẫn, là duyên chung sự sai khác của pháp niệm trụ ở tướng cộng. Đối với trong khả năng có thể nhẫn tu lý Tứ đế, nhẫn này là hơn hết. Lại, ở vị này, nhẫn không có lui đọa, nên gọi là Pháp nhẫn. Pháp Thế đệ nhất dù đối với Thánh đế cũng có thể năng nhẫn, vì Vô

gián, có khả năng nhập thấy đạo, sẽ không có lui đọa mà không quán đủ lý bốn Thánh đế. Vì sự quán đủ này, nên nghiêng về một bên được gọi là Nhẫn, nên nói riêng tên này được gọi là Thuận đế nhẫn (Nhẫn thuận theo đế).

Căn thiện nhẫn này đủ yên tăng tiến, đều là pháp niệm trụ, so với căn thiện trước có khác. Vì căn thiện này tương tự dần với thấy đạo, vì trong vị thấy đạo chỉ có pháp niệm trụ. Nhưng pháp Nhẫn này có phẩm hạ, trung, thượng. Hai phẩm hạ, trung đồng với pháp Đảnh, nghĩa là quán sát đủ cảnh bốn Thánh đế, và có thể tu đủ mười sáu hành tướng. Phẩm thượng có khác, chỉ quán khổ cõi Dục, vì tiếp cận với tướng Thế đệ nhất, do nghĩa này, căn cứ vào các căn thiện như noãn, v.v... đều có công năng duyên đủ nghĩa khổ, v.v... của ba cõi đã thành lập. Vì không có phân biệt, nên nhẫn phẩm hạ, trung, thượng, làm sao phân biệt? Và lại, nhẫn phẩm hạ đủ tám thứ tâm, nghĩa là Sư Du-già dùng bốn hành tướng để quán khổ cõi Dục, gọi là một thứ tâm.

Như thế, kế là quán khổ cõi Sắc, cõi Vô sắc, đế tập, diệt, đạo cũng quán như vậy, thành tám thứ tâm, gọi là nhẫn phẩm hạ, nhẫn phẩm trung lược hành tướng, đối tượng duyên, nghĩa là Sư Du-già dùng bốn hành tướng để quán khổ cõi Dục, cho đến đầy đủ, dùng bốn hành tướng để quán đạo cõi Dục, giảm một hành tướng đối với đạo cõi trên. Từ hành tướng này gọi là nhẫn phẩm trung, đầu tiên, thứ lớp như thế, giảm dần, lược dần hành tướng, đối tượng duyên, cho đến rất ít, chỉ dùng hai tâm quán khổ cõi Dục, như khổ pháp nhẫn, vị khổ pháp trí. Như thế, gọi là nhẫn phẩm trung đầy đủ. Nhẫn phẩm thượng chỉ quán khổ đế cõi Dục, tu một hành tướng, chỉ một sát-na. Căn thiện này khởi vì không nối tiếp, nên Vô gián của nhẫn thượng có tu tạo thành. Đầu tiên, chia ra môn Thánh đạo, hơn hẳn trong công đức ở thế gian là duyên chung sự sai khác của pháp niệm trụ của pháp tướng cộng, thuận với phần quyết trạch, gồm nhiếp căn thiện trên hết. Sinh căn thiện này tức gọi là pháp Thế đệ nhất, vì hữu lậu này nên gọi là thế gian, vì là hơn hết nên gọi là thứ nhất. Có sức của sĩ dụng, là nhân lìa đồng loại, vì dẫn Thánh đạo khởi, nên gọi là hơn hết, cho nên gọi là pháp Thế đệ nhất. Pháp này như nhẫn phẩm thượng duyên khổ đế cõi Dục, tu một hành tướng chỉ một sát-na.

Như vậy, giảm lược hành tướng, đối tượng duyên. Vì dần gần thấy đế như thế, như thế nên Thế đệ nhất chỉ duyên khổ cõi Dục, tu một hành tướng chỉ một sát-na, nghĩa là Vô gián, vì nhập vị ly sinh, vị ly sinh này chắc chắn không có lý nối tiếp, nhưng có chín căn thiện thuộc

về cõi Sắc: Hạ hạ, hạ trung, hạ thượng, gọi là Noãn. Trung hạ, trung trung, trung thượng, gọi là Đảnh, thượng hạ, thượng trung, gọi là Nhẫn, Thượng thượng gọi là Thế đệ nhất.

Bốn pháp Noãn, v.v... lấy gì làm thể?

Tự tánh của Noãn, v.v... đều lấy tuệ làm thể, hoặc với sự giúp đỡ đều thuộc về năm uẩn, chắc chắn cùng có, có tùy chuyển sắc. Nhưng trừ đấng kia, chớ cho căn thiện noãn của các bậc Thánh lại hiện ở trước. Nhưng đã thấy đấng, thì không thừa nhận Noãn, v.v... còn hiện ở trước. Người đã thấy đấng mà gia hạnh hiện tiền, sẽ thành vô dụng. Pháp Noãn trong đây, đầu tiên khi đặt yên trong ba đấng, thuận theo duyên đấng nào? Pháp niệm trụ hiện tại tu bốn tùy vị lai:

Một là hành tướng hiện tại, tu bốn vị lai, chỉ tu đồng phần, chẳng phải không đồng phần.

Duyên diệt đấng pháp niệm trụ hiện tại, tu vị lai một, thuận theo một hành tướng hiện tại, tu vị lai bốn, không phải đầu tiên quán uẩn diệt, có thể tu vị tăng tiến, sau duyên uẩn đạo.

Thuận theo duyên đấng nào trong ba đấng?

Thuận theo một niệm trụ hiện tại, tu vị lai bốn, thuận theo một hành tướng hiện tại, tu vị lai mười sáu. Duyên diệt đấng, pháp niệm trụ hiện tại, tu vị lai bốn. Thuận theo một hành tướng hiện tại, tu vị lai mười sáu.

Đứng yên đầu tiên này chỉ tu đồng phần: Vì từ trước chưa từng được chứng tánh như thế, vì hành chưa rộng trong các đấng. Ở, vị sau tăng tiến vì trái với đồng phần này, nên hành giả kia có thể tu đồng phần, khác phần.

Đứng yên đầu tiên của Đảnh, thuận theo duyên đấng nào trong bốn đấng?

Pháp niệm trụ hiện tại, tu vị lai bốn. Thuận theo một hành tướng hiện tại, tu vị lai mười sáu.

Vị tăng tiến sau, thuận theo duyên đấng nào đối với ba đấng?

Thuận theo một niệm trụ hiện tại, tu vị lai bốn. Thuận theo một hành tướng hiện tại, tu vị lai mười sáu. Duyên diệt đấng, pháp niệm trụ hiện tại, tu vị lai bốn. Thuận theo một hành tướng hiện tại, tu vị lai mười sáu.

Đặt chân đầu tiên vào Nhẫn và sau tăng tiến. Thuận theo duyên đấng nào trong bốn đấng?

Pháp niệm trụ hiện tại, tu vị lai bốn. Thuận theo một hành tướng hiện tại, tu vị lai mười sáu.

Đây là nói theo tướng cộng của loại nhân.

Nói sai khác: Lược thời gian của đối tượng duyên, thuận theo lược đối tượng duyên kia, không tu hành tướng kia, nghĩa là duyên đủ bốn, tu đủ mười sáu.

Nếu duyên ba, hai, một, thì tu mười hai, tám, bốn. Pháp Thế đệ nhất duyên khổ đế ở cõi Dục, pháp niệm trụ hiện tại, tu vị lai bốn, thuận theo một hành tướng hiện tại, tu vị lai bốn, chỉ tu đồng phần, không có duyên pháp Thế đệ nhất của đế khác.

Cho nên, chỉ tu ngần ấy hành tướng.

Có sư khác nói: Vì gần với thấy đạo, vì tương tự thấy đạo, nên chỉ tu ngần ấy, nghĩa là khổ pháp nhân, chỉ duyên khổ đế cõi Dục, tu bốn hành tướng, Thế đệ nhất cũng vậy.

Đã nói về thể tướng của căn thiện đã sinh. Nay, kể là nên nói về nghĩa sai khác của thể tướng kia.

Tụng rằng:

*Thuận phần quyết trạch này
Bốn đều do tu thành
Sáu địa hai hoặc bảy
Dựa thân cõi Dục chín.
Ba nữ, nam được hai
Nữ thứ tư cũng vậy
Thánh do mất địa xả
Phàm phu do qua đời.
Đầu, hai cũng lùi xả
Dựa gốc, sẽ kiến đế
Xả rồi, được khác trước
Tánh hai xả không đắc.*

Luận chép: Pháp Noãn, Đảnh, Nhân, Thế đệ nhất, bốn căn thiện cao quý này, gọi là thuận phần quyết trạch. Do hạ, trung, thượng và phẩm thượng thượng được chia làm bốn thứ, như trước đã nói. Quyết, là quyết đoán. Trạch, là phân biệt lựa chọn. Quyết đoán, phân biệt lựa chọn, nghĩa là các Thánh đạo, vì các Thánh đạo có thể dứt nghi, và có khả năng phân biệt tướng bốn đế. Phần, là phần dứt, tức là thấy đạo, là thuộc một phần trong quyết trạch, nên Noãn, v.v... làm duyên dẫn phần quyết trạch, vì thuận ích với phần kia, nên được gọi là phần quyết trạch, nên ở đó gọi là thuận phần quyết trạch.

Bốn thứ như thế đều do tu thành, không phải do văn, tư thành. Vì phần quyết trạch xa, nên bốn căn thiện này đều dựa vào sáu địa, nghĩa

là bốn tĩn lự, Vị chí, Trung gian không có trong cõi Dục vì thiếu đấng dẫn, nên địa trên khác cũng không có, là quyến thuộc của thấy đạo.

Lại, cõi Vô sắc vì tâm không duyên cõi Dục, vì cõi Dục, trước, nên dứt biết khắp. Trong ba cõi, cõi Dục kia rất thô, nên bốn căn thiện này chiêu cảm dị thực năm uẩn cõi Sắc, làm nhân viên mãn, vì không thể dẫn dắt chúng đồng phần, rất nhàm chán các hữu, ưa thích viên tịch, hoặc tiếng vì biểu thị rõ nói khác với hai hữu, đó là hai pháp Noãn, Đảnh.

Tôn giả Diệu Âm nói: Căn cứ vào sáu địa trước và bảy địa ở cõi Dục, các sư Đối Pháp không thừa nhận nói kia, vì không phải do văn, tư tạo thành, vì thuận phần quyết trạch.

Bốn căn thiện này dựa vào thân cõi Dục khởi, chín xứ nơi hàng trời, người, trừ Châu Câu-lô ở phía Bắc, chỉ dựa vào chín thân cõi Dục, vì chấp nhận nhập ly sinh, nên trừ pháp Thế đệ nhất của Nhẫn tăng thượng, ba căn thiện khác, ba châu khởi đầu tiên. Về sau, sinh cõi trời cũng nối tiếp hiện tiền, ngoại trừ cũng dựa vào xứ trời, khởi đầu tiên.

Có sư khác nói: Nếu khi trước đã từng tu trị bốn gia hạnh này, thì hành giả kia ở cõi trời đều được khởi đầu tiên. Bốn căn thiện này chỉ dựa vào nam, nữ.

Ba nam, nữ ở trước đều có cả được hai. Thân nữ thứ tư cũng được hai thứ, chớ cho rằng về sau được thân nam, vì không thành Noãn, nên dựa vào nam, chỉ được thân nam. Căn thiện Thánh chuyển đến đời khác, cũng vì không làm nữ, nên vị Noãn, Đảnh, Nhẫn, chấp nhận có chuyển hình. Hai dựa vào căn thiện lần lượt làm tánh nhân. Pháp Thế đệ nhất dựa vào thân nữ có thể làm hai nhân. Người nữ chứng đắc Thánh rồi, chấp nhận có lý chuyển được thân nam, nên người dựa vào thân nam, chỉ vì một nhân đã được thân nữ, vì không phải trạch diệt, nên bậc Thánh dựa vào địa này, được căn thiện này, khi mất địa ấy thì căn thiện mới xả.

Nói mất địa là biểu thị rõ thuyên chuyển sinh lên địa trên. Nếu mất, không mất, thì chỉ mất chúng đồng phần, là xả căn thiện này, vì thân Thánh được giúp đỡ do sức thấy đạo.

Bốn căn thiện này không có qua đời xả. Nên biết qua đời xả, chỉ phạm phu không phải bậc Thánh, do ả luận chép: Phạm phu trong noãn, thai, chỉ thành tựu thân, không thành thân nghiệp.

Lẽ nào không phải phạm phu trước dựa vào địa dưới khởi pháp Noãn, v.v..., sau sinh địa trên cũng chắc chắn xả. Các căn thiện như noãn, v.v... không có lỗi như thế, vì phạm phu kia bấy giờ xả căn

thiện, vì xả đồng phần, nghĩa là ở tử hữu không Có sự giúp đỡ của Thánh đạo, do đó, xả các căn thiện không phải do có đẳng khởi trung hữu của địa trên. Nếu các bậc Thánh trụ trong tử hữu, do Thánh đạo giúp đỡ, không xả Noãn, v.v..., chỉ do đẳng khởi trung hữu của địa trên, xả căn thiện của địa dưới, lúc xả, dù đồng, mà lý do có khác. Cho nên, phàm phu không có lỗi. Địa xả, bậc Thánh không xả do qua đời, phàm phu qua đời dù xả pháp nhãn, nhưng chắc chắn không đọa các đường ác, được sinh đường ác vì phi trách diệt, thân là chỗ pháp nhãn từng cư trú, nên có thể chiêu cảm các nghiệp phiền não của đường ác, lại không thể hiện hành trong thân, như hang sư tử, các loài thú lẫn lộn không cư trú. Căn thiện đầu tiên, thứ hai cũng do xả, lui sụt. Như vậy, sự lui sụt, xả là phàm phu, không phải Thánh. Hai căn thiện sau, phàm phu cũng không xả, lui sụt, dựa vào địa căn bản khởi các căn thiện như noãn, v.v..., phàm phu kia sinh căn thiện này, chắc chắn được kiến đế, vì căn cơ nhạy bén, vì chán hữu sâu xa, nên người ở Vị chí, Trung gian, khởi Noãn, v.v..., sinh ở đây biết tất được nhập kiến đế.

Có sư khác nói: Người dựa vào định căn bản khởi Noãn, v.v... sinh ở đây, chắc chắn sẽ được đến Niết-bàn, vì nhàm chán hữu rất sâu. Nếu trước xả rồi, thời gian sau lại được, mà đã được, thì không phải trước đó đã xả, do trước đã xả rồi, đến thời gian sau lại được, vì cũng phải vất vả, nhọc công lắm mới được khởi, vì trước kia đã xả không kính trọng, như trước đã xả giới biệt giải thoát, được của thời gian sau lại thọ, là chưa từng được. Noãn, v.v... cũng vậy, sau được không phải trước. Nếu trước kia đã được căn thiện như Noãn, v.v..., vì trải qua sự sinh, nên xả, về sau, lại gặp Pháp sư khéo nói phần vị rõ biết, bèn sinh Đảnh, v.v..., nếu không gặp thì sẽ trở lại tu từ gốc, hai xả: lui sụt và mất, với phi đặc làm tánh, lui sụt và xả, sẽ khởi lỗi mà được mất xả. Hoặc có người do đức tăng tiến mà được căn thiện này, có thắng lợi nào?

Tụng rằng:

*Noãn, sẽ đến Niết-bàn
Đảnh, không hề dứt thiện
Nhãn không đọa đường ác
Đệ nhất nhập ly sinh.*

Luận chép: Nếu được pháp Noãn trong bốn căn thiện, mặc dù có lui sụt dứt căn thiện, tạo nghiệp Vô gián, rơi vào đường ác, v.v... nhưng trôi lăn không bao lâu, thì sẽ đến Niết-bàn.

Nếu như vậy thì đâu khác gì thuận phần giải thoát?

Nếu không có chướng ngại, xả gần kiến đế, thì kiến đế này sẽ

đồng với hành tướng thấy đạo, vì là đẳng dẫn gồm nhiếp căn thiện vượt hơn. Nếu đã được pháp Đảnh thì dù có lui sụt, v.v..., nhưng thêm rốt ráo không dứt căn thiện. Quán sát công đức cao quý của Tam bảo làm môn dẫn sinh lòng tin thanh tịnh.

Nếu được Đảnh rồi, thì sẽ không dứt căn thiện, sao kinh nói: ĐỀ-bà-đạt-đa lui sụt đảnh?

Do ông ta đã từng khởi gán căn thiện Đảnh.

Căn cứ ở chưa được lui sụt, bí mật nói rằng: Nếu được pháp nhẫn, thì cho dù qua đời, xả vị trụ, phạm phu, nhưng thêm không có lui sụt, không tạo Vô gián, không đọa đường ác, nhưng tụng chỉ nói: Không đọa đường ác.

Nghĩa lời nói chuẩn y đã biết, không tạo nghiệp Vô gián. Người tạo nghiệp Vô gián sẽ rơi vào đường ác, nên vị nhẫn không có lui sụt, như trước đã nói.

Người được nhẫn không đọa các đường ác, đã xa đường ác, vì nghiệp phiền não kia, nên được sinh đường ác vì phi trạch diệt. Do sức nhẫn phẩm hạ đã được tất cả đường ác không có sinh. Do sức nhẫn phẩm thượng lại được không có sinh, phần ít sinh, v.v...

Phần ít sinh, nghĩa là noãn sinh, thấp sinh, do hai đời này vì thường ngu si, mờ tối. Những lời nói vì biểu thị rõ xứ, thân, hữu, hoặc. Xứ, nghĩa là Vô tướng, Đại phạm, châu Bắc, vì kiến xứ hẹp hòi, châu Châu Câu-lô ở phía Bắc vì không có hiện quán, nên thân, là như huỳnh môn, v.v..., vì các phiền não nhiều. Hữu, là hữu thứ tám, v.v..., bậc Thánh tất nhiên không thọ, “hoặc” là hoặc kiến dứt, sẽ không khởi lại nên được pháp Thế đệ nhất, dù trụ vị phạm phu, nhưng có thể hưởng đến nhập chánh tánh ly sinh. Bài tụng dù không nói lìa qua đời xả, nhưng đã Vô gián nhập chánh tánh ly sinh, chuẩn y nghĩa đã thành, không có qua đời xả.

Vì sao chỉ phạm phu này có thể nhập ly sinh?

Đã được phạm phu phi trạch diệt, nên có thể như đạo Vô gián xả tánh phạm phu. Bốn căn thiện này đều có ba phẩm, do vì chủng tánh Thanh văn, v.v... khác nhau, nên tùy theo chủng tánh nào, căn thiện đã sinh? Chủng tánh đó có di chuyển hưởng đến thừa khác hay không?

Tụng rằng:

*Chuyển chủng tánh Thanh văn
Hai, thành Phật, còn ba
Dụ lân, Phật không chuyển
Hễ ngời, thành chánh giác.*

Luận chép: Chưa vun trồng Phật thừa, thuận phần giải thoát. Dựa vào chủng tánh Thanh văn, khởi các căn thiện như Noãn, Đảnh, có thể chuyển vận sinh Noãn, Đảnh của Phật thừa, là phải trải qua thời gian dài, mới có khả năng phát khởi nghĩa.

Nếu khởi nhân kia không hưởng đến Phật thừa, vì gia hạnh của thừa Thanh văn rất lâu, trải qua sáu mươi kiếp, quả mình sẽ thành. Bồ-tát vì chuyên cầu việc lợi tha, vì muốn cứu vớt vô bên hữu tình, nên trang nghiêm lời thề sâu rộng, trải qua vô lượng kiếp, nên đi qua đường ác, như đi dạo vườn.

Nếu không như vậy thì sẽ không có nghĩa thành Phật, khởi nhân được tất cả đường ác, vì phi trạch diệt, nên khởi nhân kia, không hưởng đến Phật thừa, vì dứt bỏ việc lợi tha cho nhiều người. Đôi khi Bồ-tát đã vun trồng Phật thừa, thuận với phần giải thoát, vì ngăn dứt đường ác, lần lượt gồm nhiếp vững chắc ba thứ thí, giới, tuệ, lúc ấy, không có nhọc công khởi Nhân của thừa khác. Cho nên, Noãn, Đảnh của Thanh văn có thể chuyển hưởng Phật thừa, khởi nhân thì không có nghĩa chuyển thành Phật.

Căn cứ ở chủng tánh Thanh văn khởi ba thứ Noãn, Đảnh, Nhân, đều có thể chuyển sinh đạo Độc giác thừa, không phải pháp nhân của chủng tánh Thanh văn đã sinh, có nghĩa làm chướng ngại đối với Bồ-đề của Độc giác, nên khởi nhân kia cũng thành Độc giác.

Vì nhân này ở ngoài Phật, nên bài tụng nói khác khởi Noãn, Đảnh, chủng tánh của Độc giác thừa, là có lý chuyển hưởng thừa khác, thì không đúng, vì Độc giác thừa có hai:

1. Dụ lân giác.
2. Trước là Thanh văn.

Nếu Thanh văn trước, như Thanh văn nói dụ lân và Phật đều có không thể chuyển, vì đều là hễ ngồi thành Bồ-đề, nên tính lực thứ tư là không nghiêng động, vì Tam-ma-địa rất ư sáng suốt, nhạy bén, vì có khả năng làm dụ lân, chỗ dựa là Đại giác, nên Lân giác kia đều nương tựa tính lực thứ tư. Từ thân niệm trụ đến Tận vô sinh, chỉ ở một khi ngồi là có khả năng thứ lớp khởi, nên dụ sừng kỳ lân và chủng tánh Phật, các căn thiện như noãn, v.v... đều không thể chuyển.

Vả lại, có sinh đầu tiên thuận phần giải thoát. Sự sinh này có khởi thuận theo phần quyết trạch chăng? Không như vậy thì thế nào?

Tụng rằng:

*Thuận phần giải thoát trước
Chóng ba đời giải thoát*

*Văn, tư thành ba nghiệp
Sinh ở ba châu người.*

Luận chép: Thuận với phần quyết trạch nay sinh khởi, nghĩa là sinh trước sẽ khởi thuận với phần giải thoát, các hữu mới sinh thuận phần giải thoát, ba đời rất nhanh chóng mới được giải thoát, nghĩa là đời đầu tiên, gieo trồng thuận phần giải thoát, đời kế là, thành thực, sinh thứ ba khởi thuận phần quyết trạch, tức nhập Thánh đạo.

Nếu cho rằng sinh thứ hai khởi thuận phần quyết trạch, tức nhập Thánh đạo. Nếu cho rằng sinh thứ hai khởi thuận phần quyết trạch, sinh thứ ba nhập Thánh cho đến được giải thoát, thì lời nói của người kia là trái với thuyết trước, nghĩa là dựa vào địa căn bản khởi Noãn, v.v..., nghĩa là địa kia sẽ đối với sinh đắc này nhập kiến đế, hoặc địa kia nên thừa nhận hai đời rất nhanh chóng. Nghĩa là sinh thứ hai, dựa vào địa căn bản khởi Noãn, v.v... Địa kia ở hiện đời sẽ nhập Thánh đạo, được giải thoát, nên thuận với phần giải thoát, do văn tư mà thành, không phải do tu thành. Các hữu chưa trồng thuận với phần giải thoát, vì chúng không thể trồng, nên thuận phần giải thoát, dùng ba nghiệp làm thể, hơn hết chỉ là ý nghiệp của ý địa. Sức tư duy, nguyện, gồm nhiếp khởi thân, ngữ, cũng được gọi là thuận phần giải thoát.

Có người nhờ chút ít thí, giới, văn, v.v..., nên có thể gieo trồng thuận với phần giải thoát. Nghĩa là ý ưa thích vượt hơn, chí thành, nối tiếp nhau. Chán trái với sinh tử, ưa thích Niết-bàn. Trái với Niết-bàn này, dù nhiều tu thiện, nhưng không thể gieo trồng thuận với phần giải thoát, do ý nghiệp vượt hơn, gieo trồng căn thiện này, cho nên chỉ ba phương trong cõi người mới có thể gieo trồng. Vì Bát nhã chán lìa, hoặc xứ khác thua kém, nên có Phật ra đời. Nếu vào thời kỳ không có Phật, cũng có công năng gieo trồng thuận phần giải thoát.

Đã nhân tiện nói: Thuận phần giải thoát, nhập quán thứ lớp mới là điều chính yếu cần nói, trong đó đã nói các đạo gia hạnh, pháp Thế đệ nhất là mé sau của đạo đó, nên nói là từ đây lại sinh đạo nào?

Tụng rằng:

*Thế đệ nhất Vô gián
Túc duyên khổ cõi Dục
Sinh pháp nhãn vô lậu
Nhãn kế sinh pháp trí.
Tiếp duyên khổ cõi khác
Sinh loại nhãn, loại trí
Duyên tập, diệt, đạo đế*

*Đều sinh bốn, cũng vậy.
Mười sáu tâm như thế
Gọi hiện quán Thánh đế
Đây đều có ba thứ:
Tức, kiến, duyên, sự khác.*

Luận chép: Từ Vô gián căn thiện Thế đệ nhất, tức duyên theo cảnh khổ Thánh đế cõi Dục. Có pháp trí nhãn thuộc vô lậu sinh, nhãn này gọi là khổ pháp trí nhãn. Sao biết nhãn này thuộc về vô lậu? Vì từ Vô gián Thế đệ nhất mà sinh. Do trong Khế kinh nói: Vô gián Thế đệ nhất, nhập chánh tánh chắc chắn, hoặc chánh tánh ly sinh, bấy giờ, gọi là siêu việt địa phàm phu, nên nhãn này đã thuộc về một phần ly sinh chắc chắn, chắc chắn là vô lậu. Từ Vô gián Thế đệ nhất mà sinh, nói là vô lậu. Vì muốn phân biệt pháp Thế đệ nhất. Nhãn vô lậu này, đã từ Nhãn thế gian dùng pháp khổ cõi Dục làm cảnh đối tượng duyên của nó. Gọi khổ pháp nhãn, nghĩa là đối với pháp khổ từ vô thủy đến nay, do thân kiến mê chấp ngã, ngã sở, nay mở ra kiến thấy được những chấp ấy, chỉ là tánh của pháp khổ. Rồi nhãn có thể hiện tiền, gọi là khổ pháp nhãn. Khổ pháp nhãn này có công năng dẫn khổ pháp trí về sau sinh, là trí kia sinh pháp đối trị ngăn Khổ, nên còn gọi là khổ pháp trí nhãn, tức trí này gọi là nhập chánh tánh chắc chắn, cũng gọi là nhập tánh chánh ly sinh. Do đó, nhập chánh tánh chắc chắn cũng như bước đầu nhập chánh tánh ly sinh, nên kinh nói chánh tánh như gọi là Niết-bàn. Hoặc nói chánh tánh là gọi các đạo Thánh có thể chắc chắn hưởng đến Niết-bàn. Hoặc vì chắc chắn rõ tướng đế, nên các Thánh đạo được gọi là chắc chắn, rốt ráo được chắc chắn gọi là nhập.

Nếu vậy thì vì sao đối với tuệ vô lậu, chỉ bắt đầu kiến đế, được gọi là quyết định?

Vì vào lúc bấy giờ, đối với lý các đế, vì đầu tiên được, khó hủy xả kiến chắc chắn. Hoặc vào lúc bấy giờ đối với đạo của vị khác, vì không phải một thứ tướng chắc chắn, nên phiền não gọi là sinh, như Khế kinh nói: Sao gọi là sinh hôi hám? Nghĩa là ở vị kiến các phiền não bắt đầu siêu việt, nên gọi là ly sinh.

Có thuyết nói: Sinh, gọi là căn chưa thuần thực, vì siêu việt đầu tiên của vị kiến, nên gọi là ly sinh, rốt ráo được ly sinh, gọi là nhập.

Về xả tánh phàm phu, có các nói khác nhau: Có thuyết nói: Thế đệ nhất. Có thuyết nói: Khổ pháp nhãn. Có thuyết nói: Xả chung.

Do hai thứ này, như vì đạo Vô gián, đạo Giải thoát, nên Vô gián nhãn này, tức duyên khổ cõi Dục, có pháp trí sinh, gọi là khổ pháp trí.

Đối với chỉ là pháp khổ, vì được tuệ chắc chắn, nên biết, trí này cũng thuộc về vô lậu. Trước kia, nói vô lậu vì lưu truyền khắp về sau, như duyên theo cảnh khổ Thánh đế của cõi Dục, có khổ pháp nhãn, khổ pháp trí sinh.

Như thế, lại ở pháp trí, Vô gián duyên chung cảnh khổ Thánh đế của cõi khác, có loại trí nhãn sinh, gọi là khổ loại trí nhãn. Nhãn này Vô gián, tức duyên theo cảnh này có loại trí sinh, gọi là khổ loại trí. Vì đầu tiên chứng biết chân lý các pháp, nên gọi là Pháp trí. Vì trí cảnh sau này giống với trước, nên được gọi là loại. Cảnh sau này tùy theo trước mà chứng nghĩa cảnh. Hoặc vì từ trước sinh, nên sau được gọi là giống với trước, như thế gian nói: Con giống cha, tức là từ nỗi khổ cõi Dục, quyết định biết được khổ sinh của cõi khác, quyết định biết về nghĩa. Như duyên khổ đế cõi Dục và sinh bốn duyên của pháp loại nhãn, pháp loại trí khác. Ba đế khác đều có bốn cũng vậy, tức duyên mỗi đế có nghĩa bốn tâm.

Thứ lớp như thế có mười sáu tâm, nói chung gọi là hiện quán của Thánh đế. Do cảnh của bốn Thánh đế ở ba cõi thứ lớp hiện ở trước, vì quán như thật, nên địa tập nghiệp đầu tiên có nhiều xoay vần trở lại đối với cảnh các đế đã thuần thục.

Nay, đối với vị này có thể quán như thế. Bộ khác có nói: Chỉ hiện quán ngay tức khắc.

Lời nói của bộ kia đã là lý chung, hoặc không có sai trái, do hiện quán đế gồm có ba thứ. Ba thứ đó là gì? Nghĩa là kiến, duyên, sự, chỉ có tuệ vô lậu nhận biết rõ ràng như thật đối với cảnh các đế, gọi là hiện quán kiến, tức là do kiến rõ ràng hiện tiền, quán như thật về nghĩa của cảnh bốn đế, tức tuệ vô lậu và tương ứng khác, đồng một đối tượng duyên, gọi là duyên hiện quán. Do pháp tâm, tâm sở đồng với kiến, v.v..., là nghĩa chủ thể nhận lấy cảnh bốn đế, đối tượng duyên tức các chủ thể duyên và câu hữu khác, đồng một sự nghiệp, gọi là sự hiện quán, tức là do pháp tâm, tâm sở như kiến, v.v... và pháp câu hữu khác giới và tướng sinh, v.v..., đồng với nghĩa sở tác trong các đế, giới, tướng sinh, v.v... là nhân hiện quán. Vì nhân kia có công dụng sự trong hiện quán, nên cũng đối với pháp kia đặt tên hiện quán.

Như thế, nên biết pháp bất tương ứng chỉ một hiện quán, trừ tuệ, pháp tâm, tâm sở khác, có hai hiện quán, chỉ tuệ vô lậu có đầy đủ ba. Các nói gọi là hiện quán tức khắc, nghĩa là đối với một đế khi được hiện quán, thì đối với đế khác cũng được hiện quán, nên đối với nói trước, tông hiện quán tức khắc, nên xem xét, tìm tòi, gạn hỏi dựa vào

hiện quán nào? Nếu nói dựa vào sự nên khen ngợi là thiện do đối với khổ đế, lúc được hiện quán, ở khổ có đủ ba, đối với pháp khác chỉ Có sự. Nghĩa là khi đầu tiên, quán thấy khổ Thánh đế, vì dứt hết phiền não nên gọi dứt tập, vì được trạch diệt, nên gọi là chứng diệt, vì khởi đối trị tức gọi là tu đạo. Do vị thấy khổ đối với ba loại như tập, v.v..., có dứt, chứng, tu, và sự hiện quán nên căn cứ ở sự hiện quán gọi là hiện quán tức khắc, không lỗi. Nếu nói dựa vào kiến, nên bác xả, là nói không phải, vì hiện quán này thì các đế dần dần khác biệt nhau, một kiến lý, không có nhiều hành tướng, nên thuận theo trong mỗi đế của tự tướng kia, Đức Thế tôn nói: Vì kiến đều khác.

Đã nói về hiện quán đủ mười sáu tâm. Mười sáu tâm này là dựa vào địa nào?

Tụng rằng:

*Đều với Thế đệ nhất
Đồng nương vào một địa.*

Luận chép: Thuận theo các địa, chỗ dựa của pháp Thế đệ nhất, nên biết tức mười sáu tâm chỗ dựa này. Tâm kia dựa vào sáu địa, như trước đã nói, đó là bốn tĩnh lự, Vị chí và Trung gian.

Vì sao chắc chắn có nhãn trí như thế, thứ lớp trước, sau xen lẫn nhau mà khởi?

Tụng rằng:

*Nhãn trí như thứ lớp
Đạo Vô gián, Giải thoát.*

Luận chép: Bốn pháp loại nhãn trong mười sáu tâm, gọi là đạo Vô gián. Bốn pháp loại trí gọi là đạo Giải thoát, gọi là như thuyết trước nói: chủ thể nhãn có thể từ trước đến nay vì chưa thấy khổ cõi Dục, nên tuệ vô lậu của niệam đầu tiên gọi là khổ pháp nhãn. Do trong Khế kinh, Đức Thế tôn tự nói: Nếu đối với pháp này, do tuệ thấp kém, hoặc tuệ tăng thượng, xem xét, giám sát khả năng nhãn được, có thể gọi Tùy tín hành, Tùy pháp hành, nên biết nhãn này tức là đạo Vô gián.

Ở chỗ nào nói đạo Vô gián này?

Kinh nói: Một pháp khó có thể thông đạt, gọi là Vô gián, vì tâm đẳng trì. Lại. Đức Thế tôn nói: Có khổ pháp trí, có khổ loại trí, cho đến nói rộng. Không phải hai trí này đồng duyên theo cảnh khổ, v.v... của ba cõi khởi, mà là vì như thuận với lý để nói, nên đối với khổ pháp nhãn đã thấy được trong khổ cõi Dục, quyết đoán giải thoát sinh, gọi là khổ pháp trí. Nhãn trước có thể dứt mười phiền não mà được, trí sau có thể với ly hệ được cùng sinh.

Kinh nói: Vì trí sinh theo ở nhãn trước, nên biết trí sau gọi đạo Giải thoát. Từ nhãn Vô gián này, cõi Sắc, cõi Vô sắc chưa từng thấy khổ, ở sát-na thứ ba, tuệ vô lậu sinh, gọi khổ loại nhãn là vì kiến giống loại khổ nhãn của cõi Dục, kể là, đối với khổ loại nhãn ở kiến trong Khổ cõi trên mà quyết đoán có thể sinh, gọi là khổ loại trí. Nhãn trí như thứ lớp dứt phiền não mà được, gọi là đạo Vô gián, ly hệ đắc, đều có, gọi là đạo Giải thoát.

Y theo trước nên nói, đối với ba đế khác, vì căn cứ ở khổ, nên biết tám nhãn trước, gọi là đạo Vô gián, tám trí sau gọi là đạo Giải thoát. Lại nữa, vì sao nói là đối trị dứt gọi đạo Vô gián?

Nói ly hệ đắc đều cùng lúc khởi trí, gọi là đạo Giải thoát. Vì không có gián cách, nên gọi là Vô gián. Vô gián tức đạo, gọi là đạo Vô gián, là không có đạo đồng loại, có thể bị gián cách, khiến cho đạo Giải thoát không làm nghĩa duyên, các đạo Vô gián chỉ một sát-na. Các đạo Giải thoát, hoặc vì nối tiếp nhau, nên đối với đắc tự được đối trị các phiền não là đã được giải thoát, là đều lúc khởi đạo với dứt, đắc kia, gọi là đạo Giải thoát.

Nói tự được đối trị, là vì muốn biểu thị rõ nghĩa gì?

Các đạo Vô gián như khổ loại nhãn, v.v... cũng cùng sinh với chỗ được đối trị khác, ly hệ đắc. Chớ cho rằng ly hệ kia cũng gọi là đạo Giải thoát.

Mười sáu tâm này đều thấy đế lý, tất cả đều nói thuộc về thấy đạo chẳng? Không như vậy thì thế nào?

Tụng rằng:

Mười lăm trước: Kiến đạo

Vì kiến chưa từng thấy.

Luận chép: Vì kiến chưa từng kiến lý bốn Thánh đế, gọi là thấy đạo, nên mười lăm tâm trước trong mười sáu tâm hiện quán là vị đạo loại nhãn thuộc về thấy đạo. Vì kiến viên mãn trong các đế, nên khi đến đạo loại trí thứ mười sáu, dù cũng có một đế chưa biết trước, nhưng không có một đế mà trước đó chưa thấy, vì tất cả nhãn đều là tánh kiến. Do đó, bấy giờ không gọi là Thấy đạo.

Lẽ nào không phải cũng kiến từng chưa kiến đế, nghĩa là đạo loại trí tương ứng với thấy đạo loại nhãn, vì đều có một đạo niệm chẳng?

Các hữu chỉ kiến đối tượng từng chưa kiến, gọi là thấy đạo. Bấy giờ, kiến chung vì từng, chưa từng kiến, nên không có lỗi này. Hoặc kiến này căn cứ ở đế, không căn cứ ở sát-na, không phải bấy giờ quán chưa từng kiến đế, không phải trong một đế có nhiều sát-na, chưa kiến

một sát-na có thể gọi chưa kiến đế, như cắt lúa, chỉ thừa một khoảnh, không thể gọi là thừa ruộng lúa này chưa cắt được, nên kiến chưa kiến, gọi là thấy đạo, là nghĩa tướng thấy đạo khéo thành lập. Vì thế, nên tông ta nói phẩm đạo loại trí sau hiện quán thuộc về tu đạo, gồm tu khác với hành tướng của trí cảnh.

